

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI
LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 21

4102
CƠ
NH
EM
D.
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại.
- Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Khách sạn.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Lê Đình Hòa	Thành viên
Ông Bùi Trung Trực	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Đình Hiến	Giám đốc
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 06 tháng 08 năm 2011

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐÌNH HIỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

**Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 21 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



DẠNG XUÂN CẢNH

Chứng chỉ KTV số Đ.0067 /KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2011

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG

Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.701.805.357	85.257.102.468
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.422.407.246	4.762.002.627
1. Tiền	111	5.1	1.422.407.246	4.762.002.627
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	3.270.000.000	3.200.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.015.448.000	3.515.448.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(1.745.448.000)	(315.448.000)
III. Các khoản phải thu	130	5.3	67.528.603.952	63.092.599.455
1. Phải thu khách hàng	131		56.289.780.054	51.220.316.936
2. Trả trước cho người bán	132		964.808.898	835.062.519
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		10.274.015.000	11.037.220.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	19.508.639.000	12.298.639.000
1. Hàng tồn kho	141		19.508.639.000	12.298.639.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.5	2.972.155.159	1.903.861.386
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.972.155.159	1.903.861.386

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.481.885.071	42.379.101.491
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.425.896.169	29.586.087.989
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	23.225.896.169	27.386.087.989
+ Nguyên giá	222		56.310.534.411	57.108.367.744
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.084.638.242)	(29.722.279.755)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		2.200.000.000	2.200.000.000
+ Nguyên giá	228		2.200.000.000	2.200.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	11.055.988.902	12.793.013.502
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		14.487.324.902	13.876.024.902
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(3.431.336.000)	(1.083.011.400)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		131.183.690.428	127.636.203.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		68.982.220.442	65.231.694.393
I. Nợ ngắn hạn	310		63.048.101.942	57.962.234.893
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	9.170.378.500	9.986.636.400
2. Phải trả người bán	312	5.9	20.524.443.562	16.883.015.300
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	20.485.357.015	22.682.105.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	5.904.560.417	4.455.892.822
5. Phải trả người lao động	315	5.11	1.207.042.000	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	3.699.178.481	2.021.152.023
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.12	1.587.155.475	1.663.457.475
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.14	469.986.492	269.975.123
II. Nợ dài hạn	330		5.934.118.500	7.269.459.500
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	5.801.320.500	7.091.320.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		132.798.000	178.139.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.16	62.201.469.986	62.404.509.566
I. Vốn chủ sở hữu	410		62.201.469.986	62.404.509.566
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.447.352.500	12.447.352.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.178.330.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.700.000.000	16.500.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.000.000.000	2.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.232.447.486	11.457.157.066
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		131.183.690.428	127.636.203.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		-	-
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀU VĂN TUÂN

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 07 năm 2011

GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	78.945.311.456	69.717.940.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		78.945.311.456	69.717.940.606
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	61.862.226.649	57.059.499.834
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.083.084.807	12.658.440.772
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	747.749.097	4.079.477.694
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.015.693.778	691.370.785
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.237.369.178	461.370.785
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.635.509.316	4.029.042.312
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.179.630.810	12.017.505.369
11. Thu nhập khác	31	6.5	272.726.319	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		272.726.319	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.452.357.129	12.017.505.369
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	2.219.909.631	2.817.482.792
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.232.447.498	9.200.022.577
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		3.624	4.600

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HÀU VĂN TUẤN

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 07 năm 2011

GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.452.357.129	12.017.505.369
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		4.295.691.820	4.969.953.960
Các khoản dự phòng	03		3.702.022.600	222.054.200
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.020.475.416)	(1.215.607.085)
Chi phí lãi vay	06		1.237.369.178	461.370.785
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.666.965.311	16.455.277.229
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.504.298.270)	(4.398.990.068)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.210.000.000)	(8.278.999.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.445.244.174	(13.185.573.804)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.237.369.178)	(461.370.785)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(795.829.500)	(262.500.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(102.486.697)	(56.442.460)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		7.262.225.840	(10.188.598.888)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(135.500.000)	(3.500.409.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		181.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.500.000.000)	(50.958.730.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	51.943.600.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(611.300.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		747.749.097	1.215.607.085
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.317.232.721)	(1.299.932.006)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.178.330.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		28.874.244.300	1.320.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30.980.502.800)	(1.965.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.000.000.000)	(7.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.284.588.500)	(7.645.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(3.339.595.381)	(19.133.530.894)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.762.002.627	23.358.259.286
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.422.407.246	4.224.728.392

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HÀU VĂN TUÂN

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 07 năm 2011

GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIỂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước.
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản kỳ gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	04 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 07 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo nghị quyết hội đồng cổ đông thường niên.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ kế toán này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	127.922.587	3.171.503.360
Tiền gửi ngân hàng	1.294.484.659	1.590.499.267
Tổng cộng	1.422.407.246	4.762.002.627

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	3.515.448.000	3.515.448.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.500.000.000	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	5.015.448.000	3.515.448.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.745.448.000)	(315.448.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	3.270.000.000	3.200.000.000

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu SSI	100.000	3.515.448.000	100.000	3.515.448.000
Cộng	100.000	3.515.448.000	100.000	3.515.448.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	56.289.780.054	51.220.316.936
Trả trước cho người bán	964.808.898	835.062.519
Các khoản phải thu khác	10.274.015.000	11.037.220.000
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	67.528.603.952	63.092.599.455
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	67.528.603.952	63.092.599.455

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu từ cho cá nhân vay	274.015.000	977.220.000
Phải thu cho các tổ chức vay	10.000.000.000	10.060.000.000
Cộng	10.274.015.000	11.037.220.000

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.639.000	8.639.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.500.000.000	12.290.000.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	19.508.639.000	12.298.639.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	19.508.639.000	12.298.639.000

(Phần tiếp theo trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hồ chứa nước Phát Chi Dalat	1.250.000.000	100.000.000
Kênh Đắc Lông Thượng Bảo Lâm (Gói 2)	120.000.000	-
Hệ thống kênh mương Phước Cát 1 Cát tiên	50.000.000	-
Kênh Phan rí – Phan Thiết, Bình Thuận 1 (Hoàng)	2.870.000.000	690.000.000
Kênh Phan rí – Phan Thiết, Bình Thuận 2 (Trúc)	1.970.000.000	-
Hồ chứa nước Sông Dinh 3 Bình Thuận	4.282.000.000	3.300.000.000
Kênh và công trình trên Kênh, Phước Hòa Gói 1B	6.332.000.000	2.400.000.000
Hồ chứa nước Thôn 5 Đạteh	-	1.200.000.000
Dự án Thủy lợi Phước hòa Gói 1C	-	180.000.000
Kênh chính Sông Ray Gói 44	450.000.000	60.000.000
Kênh Xuyên mộc (Gói 52) Bà Rịa Vũng tàu	-	3.800.000.000
Hồ NT6 Phước Long Bình Phước	-	160.000.000
Công trình Lộc Thanh Bình Phước	1.700.000.000	-
Dự án TL Phước hòa cảnh quan Môi trường	80.000.000	-
Kênh N1 Tuyền lâm Quảng Hiệp (gói 1)	396.000.000	400.000.000
Tổng cộng	19.500.000.000	12.290.000.000

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng cho nhân viên văn phòng, công nhân và trưởng ban chỉ huy các công trình.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.569.266.331	51.069.552.485	4.050.527.468	419.021.460	57.108.367.744
Mua trong kỳ	-	17.500.000	-	118.000.000	135.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(933.333.333)	-	-	(933.333.333)
Số dư cuối kỳ	1.569.266.331	50.153.719.152	4.050.527.468	537.021.460	56.310.534.411
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	677.661.675	26.589.016.754	2.219.165.053	236.436.273	29.722.279.755
Khấu hao trong kỳ	38.899.224	3.962.581.293	224.431.428	69.779.875	4.295.691.820
Thanh lý, nhượng bán	-	(933.333.333)	-	-	(933.333.333)
Số dư cuối kỳ	716.560.899	29.618.264.714	2.443.596.481	306.216.148	33.084.638.242
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	891.604.656	24.480.535.731	1.831.362.415	182.585.187	27.386.087.989
Tại ngày cuối kỳ	852.705.432	20.535.454.438	1.606.930.987	230.805.312	23.225.896.169

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 12.766.861.141 đồng – xem thêm mục 5.15.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.907.656.308 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	14.487.324.902	13.876.024.902
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	14.487.324.902	13.876.024.902
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.431.336.000)	(1.083.011.400)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	11.055.988.902	12.793.013.502

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Trái phiếu công ty HEC II	30.000	3.000.000.000	30.000	3.000.000.000
Cổ phiếu LBM	650.006	8.306.381.000	570.006	7.695.081.000
Cổ phiếu VDL	175.090	3.180.943.902	120.475	3.180.943.902
Cộng		14.487.324.902		13.876.024.902

Lý do thay đổi khoản đầu tư vào cổ phiếu VDL:

- Về số lượng: nhận cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu 54.615 (CP).

Lý do thay đổi khoản đầu tư và cổ phiếu LBM:

- Về số lượng: mua thêm 80.000 (CP)
- Về giá trị: 611.300.000 đồng.

5.8. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	9.170.378.500	9.986.636.400
Vay đối tượng khác	-	-
Tổng cộng	9.170.378.500	9.986.636.400

Vay ngắn hạn là khoản vay ngân hàng theo hợp đồng vay số 01A/2010/HĐTDHM ngày 02 tháng 08 năm 2010, lãi suất trong kỳ này từ 18% - 20%. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị của công ty.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	20.524.443.562	16.883.015.300
Người mua trả tiền trước	20.485.357.015	22.682.105.750
Tổng cộng	41.009.800.577	39.565.121.050

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.418.508.728	2.130.113.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.398.610.096	1.974.529.965
Thuế thu nhập cá nhân	19.901.748	312.264.312
Thuế tài nguyên	59.877.545	24.488.880
Các khoản phí, lệ phí	7.662.300	14.496.050
Tổng cộng	5.904.560.417	4.455.892.822

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 06 chưa trả cho công nhân viên.

5.12. Dự phòng phải trả

Là khoản dự phòng bảo hành công trình.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	591.281.872	388.196.602
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.107.896.609	1.632.955.421
Tổng cộng	3.699.178.481	2.021.152.023

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thu tiền đặt cọc bán tài sản	320.000.000	320.000.000
Vay mượn cá nhân tạm thời	1.791.790.000	526.790.000
Tiền ký quỹ thế chân lái xe	135.000.000	130.000.000
Phải trả vốn Nhà nước	50.750.000	50.750.000
Thu tiền bảo lãnh gói thầu Hồ chứa nước thôn 5 Datèh	450.000.000	450.000.000
Thu tiền cấp chứng chỉ nghề CNV	-	43.050.000
Thu hồi nhiên liệu 2010	-	52.365.424
Thu tiền thuê cốt pha công trình	60.000.000	60.000.000
Phải trả cho đội thi công công trình	300.356.609	-
Tổng cộng	3.107.896.609	1.632.955.424

5.14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	269.975.123	157.062.236
Trích lập trong kỳ	257.157.066	235.493.847
Sử dụng trong kỳ	(57.145.697)	(122.580.960)
Số dư cuối kỳ	469.986.492	269.975.123

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	5.801.320.500	7.091.320.500
Tổng cộng	5.801.320.500	7.091.320.500

Vay và nợ dài hạn là khoản vay ngân hàng theo hợp đồng vay số 01/2009/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2009 với số tiền vay là 12 tỷ, thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm, lãi suất kỳ đầu tiên 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị tài sản thế chấp là 12.766.861.141 đồng – Xem thêm mục 5.6

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	12.447.352.500	-	7.903.240.104	17.832.253.743	58.182.846.347
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	15.457.157.066	15.457.157.066
Trích lập các quỹ	-	-	-	10.596.759.896	(10.832.253.743)	(235.493.847)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	12.447.352.500	-	18.500.000.000	11.457.157.066	62.404.509.566
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.232.447.486	7.232.447.486
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.200.000.000	(5.457.157.066)	(257.157.066)
Chi cổ tức	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.178.330.000)	-	-	(1.178.330.000)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	12.447.352.500	(1.178.330.000)	23.700.000.000	7.232.447.486	62.201.469.986

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của cá nhân	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

5.16.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	50.400	-
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.949.600	2.000.000

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	7.232.447.486	9.200.022.577
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.995.503	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	3.624	4.600

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	78.935.151.487	69.696.503.797
Doanh thu cho thuê nhà nghỉ	10.159.969	21.436.809
Doanh thu thuần	78.945.311.456	69.717.940.606

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	61.862.226.649	57.059.499.834
Tổng cộng	61.862.226.649	57.059.499.834

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	143.110.497	468.032.885
Cổ tức, lợi nhuận được chia	604.638.600	747.574.200
Lãi bán cổ phiếu	-	2.834.434.416
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	29.436.193
Tổng cộng	747.749.097	4.079.477.694

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	1.237.369.178	461.370.785
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	3.778.324.600	230.000.000
Tổng cộng	5.015.693.778	691.370.785

6.5. Thu nhập khác

Đây là khoản thu nhập khác từ thanh lý tài sản cố định.

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	9.452.357.129	12.017.505.369
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	604.638.600	(747.574.200)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	8.847.718.529	11.269.931.169
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Thuế TNDN trong kỳ	2.211.929.631	2.817.482.792
Thuế TNDN tăng do quyết toán thuế	7.980.000	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	2.219.909.631	2.817.482.792

7. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	76.200.000	51.750.000
Lương Giám đốc	141.500.000	232.950.000
Tổng cộng	217.700.000	284.700.000

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 07 năm 2011.

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HÀU VĂN TUẤN

GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIỀN